

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày 08-5-2024

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Nguyệt Quế;
- Bà Huỳnh Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S1.

Địa chỉ: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Somyot N, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Kanokwatpaisal N1, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thanh Đ; chức vụ: Nhân viên- yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số H quốc lộ I, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T- 1997- vắng mặt lần 02 không lý do.

Nơi thường trú: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ

Địa chỉ liên lạc: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Kim S- 1965- yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ đã thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ông Ngô Thanh Đ là người đại diện cho Công ty Cổ phần S1 (viết tắt là Công ty) trình bày và yêu cầu giải quyết như sau:

Ngày 21-7-2022, ông T có cầm cố tài sản của ông là xe mô tô biển số 65L1-451.15 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S2 nay là Công ty S1 để vay số tiền 14.120.000đ. Xe mô tô có đặc điểm: Nhãn hiệu Honda, màu sơn đen đỏ xám, số khung RLHJA3689NY001625, số máy JA36E1068988, theo giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 65007868, Công an huyện V cấp ngày 14-7-2022 cho ông Nguyễn Minh T. Thời hạn cầm cố 12 tháng, tính từ ngày 21-7-2022 đến ngày 21-7-2023. Lãi suất thỏa thuận 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Hai bên có lập Hợp đồng cầm cố số: TNM220701010NA22X ngày 21-7-2022. Khi giao số tiền nói trên cho ông T, Công ty có lập Phiếu chi ngày 21-7-2022. Ông T có ký và ghi đầy đủ họ tên trong đó để nhận tiền và làm bằng chứng. Sau khi cầm cố xong, Công ty có cho ông T mượn lại xe mô tô nói trên, với thời hạn 30 ngày tính từ ngày 21-7-2022 đến ngày 21-8-2022.

Nay thời hạn cầm cố đã hết nhưng ông T không trả được nợ gốc và lãi cho Công ty. Nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T chịu trách nhiệm trả cho Công ty 14.120.000đ nợ gốc, 1.863.000đ tiền lãi trong hạn { $14.120.000đ \times 1,1\%/tháng \times 12 tháng$ (tính từ ngày 21-7-2022 đến ngày 21-7-2023)}, 2.228.000đ tiền lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày xét xử {tiền lãi một tháng $\times 150\% \times 9 tháng$ 17 ngày (tính từ tháng 21-7-2023 đến hết ngày 08-5-2024) = 2.228.841đ nhưng nguyên đơn tự nguyện làm tròn thành 2.228.000đ} và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi trả xong nợ.

Đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông T trả lại mô tô biển số: 65L1-451.15 thì Công ty xin rút lại yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

* Ý kiến của bị đơn Nguyễn Minh T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và còn nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Minh T tham gia tố tụng. Nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty. Nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định chung.

* Người làm chứng Nguyễn Kim S trình bày: Bà S là mẹ ông T. Theo bà S thì vào năm 2022, ông T có cầm cố xe mô tô biển số: 65L1-451.15 của ông T cho Công ty để lấy 14.120.000đ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật. Còn nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do, nên đề nghị xét xử vắng mặt ông T. Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn đã chứng minh được hiện nay ông T còn nợ Công ty 14.120.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố tài sản. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T chịu trách nhiệm trả cho Công ty 14.120.000đ và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T chịu trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát cho Công ty Cổ phần S1 do đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cầm cố tài sản. Được xác định là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, để bảo đảm quyền được tham gia tố tụng tại phiên tòa, Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông T luôn vắng mặt không có lý do, còn bà S có yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã có cơ sở xét xử vắng mặt ông T và bà S.

[3] Về kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng. Khi khởi kiện nguyên đơn là Công ty TNHH S2. Nhưng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án thì Công ty TNHH S2 đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần S1 khi đã hoàn tất việc chuyển nhượng vốn. Đồng thời Công ty Cổ phần S1 kế thừa toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, cũng như nghĩa vụ dân sự của C, theo Quyết định của chủ sở hữu Công ty TNHH S2 số: 103/QĐ-HĐQT ngày 26-9-2023 của C1 về việc chuyển nhượng vốn góp và chuyển đổi loại hình công ty. Nên nguyên đơn được xác định là Công ty Cổ phần S1.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố tài sản.

[4.1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà Công ty G cho Tòa án, cụ thể là Hợp đồng cầm cố số: TNM220701010NA22X ngày 21-7-2022 (viết tắt là Hợp đồng cầm cố). Hợp đồng này được ký kết giữa Công ty với ông T, có nội dung: Ông T cầm cố cho Công ty xe mô tô biển số 65L1- 451.15 (viết tắt là xe mô tô) để vay 14.120.000 đồng; thời hạn cầm cố 12 tháng kể từ ngày 21-7-2022 đến ngày 21-7-2023. Xe mô tô có đặc điểm: Nhãn hiệu Honda, màu sơn đen đỏ xám, số khung RLHJA3689NY001625, số máy JA36E1068988, theo giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 65007868, do Công an huyện V cấp ngày 14-7-2022 cho ông T. Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố đã thể hiện các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc, phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự. Vấn đề ông T thế chấp xe mô tô 65L1- 451.15 cho Công ty để vay tiền còn phù hợp với Phiếu chi ngày 21-7-2022 do Công ty L. Phiếu chi đã ghi nhận việc ông T đã nhận 14.120.000đ của Công ty do đã cầm cố xe mô tô. Nội dung của Hợp đồng cầm cố và Phiếu chi có nội dung còn phù hợp với lời trình bày của mẹ ông T là bà S đã khẳng định: trong năm 2022, ông T có cầm cố xe mô tô của ông T cho Công ty để vay 14.120.000đ. Tóm lại, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng, thì Công ty đã chứng minh được vào ngày 21-7-2022, ông T sau khi cầm cố xe mô tô cho Công ty thì đã nhận 14.120.000đ. Đã hết thời hạn nhưng ông T không thanh toán nợ cho Công ty. Do đó, nghĩ nên chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông T chịu trách nhiệm trả cho Công ty 14.120.000đ nợ gốc.

[4.2] Đã hết thời hạn của hợp đồng nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty như đã cam kết đã vi phạm nghĩa vụ của bên cầm cố. Việc ông T không thực hiện nghĩa vụ đã gây thiệt hại cho bên nhận cầm cố. Do đó, Công ty yêu cầu ông T phải trả tiền lãi phát sinh là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì trong hợp đồng hai bên có thỏa thuận phải trả tiền lãi trong hạn theo mức lãi suất 1,1%/tháng và lãi quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Do đó, cần phải buộc ông T chịu trách nhiệm trả tiền lãi trong hạn và quá hạn phát sinh cho Công ty cho đến khi thi hành án xong. Cụ thể là số tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử như sau: Thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày 21-7-2022 đến hết ngày 21-7-2023 theo mức lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng, có số tiền lãi trong hạn 1.863.000đ {14.120.000đ x 1,1%/tháng x 12 tháng = 1.863.840 nhưng nguyên đơn tự nguyện làm tròn thành 1.863.000đ} và 2.228.000đ tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 08-5-2024 {tiền lãi một tháng x 150% x 9 tháng 17 ngày (tính từ tháng 22-7-2023 đến hết ngày 08-5-2024) = 2.228.841đ nhưng nguyên đơn tự nguyện làm tròn thành 2.228.000đ}. Tổng số tiền lãi phát sinh mà ông T phải chịu trách nhiệm trả cho Công ty tính đến hết ngày 08-5-2024 là 4.091.000đ.

[5] Về trường hợp rút lại yêu cầu trả lại xe mô tô 65L1- 451.15. Khi khởi kiện, Công ty yêu cầu ông T trả lại xe mô tô cho Công ty. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty xin rút lại yêu cầu này không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu trên của Công ty là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật và đạo đức. Nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và đình chỉ xét xử yêu cầu này của Công ty là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí và tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

- Về tạm ứng án phí. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét chấp nhận nên không phải chịu án phí. Do đó, tạm ứng án phí được hoàn trả cho nguyên đơn.

- Về án phí. Xét thấy, bị đơn chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn 18.211.000đ. Nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng, cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 74, 91, 92, 144, 147, 188, 227, 228, 229 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 274, 280, 309, 310, 311, 312, 313, 316 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S1. Buộc ông Nguyễn Minh T chịu trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S1 18.211.000đ (mười tám triệu hai trăm mười một ngàn đồng) {trong đó đã bao gồm 14.120.000đ tiền nợ gốc và 4.091.000đ tiền lãi phát sinh đến hết ngày 08-5-2024}.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Minh T còn phải chịu trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S1 Tiền khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng cầm cố số: TNM220701010NA22X ngày 21-7-2022 mà ông T đã ký kết với Công ty Cổ phần S1.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu của Công ty Cổ phần S1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh T chịu trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S1 xe mô tô biển số: 65L1- 451.15. Do Công ty Cổ phần S1 rút lại yêu cầu này.

* Về tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả 530.000đ (năm trăm ba mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần S1. Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006766 ngày 15-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Minh T phải chịu 910.000đ (chín trăm mười ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo, niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Xuân Diệu